

PHỤ LỤC 01. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÀ Ở THƯƠNG MẠI, KHU DÂN CƯ, KHU ĐÔ THỊ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /04/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
I	Thành phố Quy Nhơn			I	Thành phố Quy Nhơn				Bổ sung 02 dự án; đưa ra khỏi kế hoạch 01 dự án; điều chỉnh tên, diện tích 02 dự án
46	Khu đô thị C1 (Chuyển một phần đất KCN C sang đất ở đô thị)	Xã Nhơn Hội	49,00	46	Khu đô thị C (Chuyển đất KCN C sang đất ở đô thị)	Xã Nhơn Hội	228,00	179,00	Điều chỉnh tên, diện tích theo Văn bản số 745/BQL-QLQHXD ngày 16/04/2025 của Ban Quản lý khu kinh tế
47	Khu đô thị A1 (Chuyển một phần đất KCN A sang đất ở đô thị)	Xã Nhơn Hội	49,00	47	Khu đô thị A (Chuyển đất KCN A sang đất ở đô thị)	Xã Nhơn Hội	235,90	186,90	Điều chỉnh tên, diện tích theo Văn bản số 745/BQL-QLQHXD ngày 16/04/2025 của Ban Quản lý khu kinh tế
79	Khu đô thị A1 (Chuyển đổi một phần đất KCN A sang đất ở đô thị)	Khu kinh tế Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	49,00	79	Khu đô thị A1 (Chuyển đổi một phần đất KCN A sang đất ở đô thị)	Khu kinh tế Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	-	-49,00	Đưa ra khỏi kế hoạch vì trùng với dự án tại số thứ tự 47
				92	Chung cư thương mại tại khu đất Trường Cao đẳng kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn	Đường An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn	0,98	0,98	Bổ sung theo Văn bản số 986/STC-TTXX ngày 16/04/2025 của Sở Tài chính

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
				93	Dự án tại Phân khu A2 thuộc Khu A - Khu đô thị thương mại Bắc sông Hà Thanh	Phường Đồng Đa và Nhon Bình, thành phố Quy Nhơn	117,93	117,93	Bổ sung theo Văn bản số 2291/UBND-KT ngày 24/03/2025, Văn bản số 828/SXD-QLN ngày 09/04/2025 của Sở Xây dựng
II	Thị xã An Nhơn			II	Thị xã An Nhơn				Giữ nguyên số lượng 55 dự án; điều chỉnh tên, diện tích 04 dự án
34	Các khu, điểm dân cư trên địa bàn phường Nhơn Hưng (Khu dân cư phía Tây đường Chu Văn An (1,7ha); Khu dân cư KV Cẩm Vãn (phía đông Bắc cầu Ông Chắt) 1,3ha; Khu dân cư khu vực Phò An (giai đoạn 2) 1,55ha; Khu dân cư Hòa Cư (phía đông đường Bắc - Nam số 02) 1,2ha; Điểm dân cư xen kẽ khu vực Cẩm Vãn 0,77ha; Khu dân cư tiếp giáp với khu dân cư N4A nối dài về phía Tây (4,1ha); khu dân cư phía Tây đường liên phường Bình Định đi Nhơn Hưng (7,1ha); khu dân cư khu vực Cẩm Vãn (0,17ha)	Phường Nhơn Hưng	17,89	34	Các khu, điểm dân cư trên địa bàn phường Nhơn Hưng (Khu dân cư phía Tây đường Chu Văn An (1,7ha); Khu dân cư KV Cẩm Vãn (phía đông Bắc cầu Ông Chắt) 1,3ha; Khu dân cư khu vực Phò An (giai đoạn 2) 1,55ha; Khu dân cư Hòa Cư (phía đông đường Bắc - Nam số 02) 1,2ha; Điểm dân cư xen kẽ khu vực Cẩm Vãn 0,77ha; Khu dân cư tiếp giáp với khu dân cư N4A nối dài về phía Tây (4,1ha); khu dân cư phía Tây đường liên phường Bình Định đi Nhơn Hưng (7,1ha); khu dân cư khu vực Cẩm Vãn (0,17ha); Khu dân cư phía Bắc khu dân cư dịch vụ thương mại An Nhơn (19,7ha); Điểm DC khu vực Cẩm Vãn (Vị trí đối diện nhà ông Nguyễn Địa) 0,77ha	Phường Nhơn Hưng	38,36	20,47	Điều chỉnh, bổ sung tên, diện tích theo Văn bản số 631/UBND ngày 16/04/2025 của UBND thị xã An Nhơn

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
40	Các Khu, điểm dân cư trên địa bàn phường Đập Đá (Khu dân cư và kề phía bắc sông Đập Đá (2,95ha); Điểm dân cư Bắc Phương Danh (0,5ha); Điểm dân cư Tổ 6 Nam Phương Danh (0,65ha); Điểm dân cư Đội 4 Bằng Châu (0,51ha); Khu dân cư phía Đông Bầu sen thuộc phường Đập Đá và xã Nhơn Hậu (7,5ha); Điểm dân cư phía Đông trường Tiểu học số 1 phường Đập Đá 0,2ha; các điểm xen kẹt trong khu dân cư phường Đập Đá 4,5ha.	Phường Đập Đá	16,81	40	Các Khu, điểm dân cư trên địa bàn phường Đập Đá (Khu dân cư và kề phía bắc sông Đập Đá (2,95ha); Điểm dân cư Bắc Phương Danh (0,5ha); Điểm dân cư Tổ 6 Nam Phương Danh (0,65ha); Điểm dân cư Đội 4 Bằng Châu (0,51ha); Khu dân cư phía Đông Bầu sen thuộc phường Đập Đá và xã Nhơn Hậu (7,5ha); Điểm dân cư phía Đông trường Tiểu học số 1 phường Đập Đá 0,2ha; các điểm xen kẹt trong khu dân cư phường Đập Đá 4,5ha; Điểm dân cư Tổ 5 khu vực Nam Phương Danh 0,05ha	Phường Đập Đá	16,86	0,05	Điều chỉnh, bổ sung tên, diện tích theo Văn bản số 631/UBND ngày 16/04/2025 của UBND thị xã An Nhơn
52	Các khu, điểm dân cư trên địa bàn xã Nhơn Phong (KDC phía Nam rộc chợ 1,5ha; Điểm dân cư xen kẹt khu vực Tam Hòa (trước nhà ông Lân) 0,5ha; Khu dân cư - dịch vụ Trung Lý 2,3ha); Điểm xen kẹt Liềm Định 0,03ha; Điểm dân cư xen kẹt trước nhà ông Quý 0,08ha	Xã Nhơn Phong	4,41	52	Các khu, điểm dân cư trên địa bàn xã Nhơn Phong (KDC phía Nam rộc chợ 1,5ha; Điểm dân cư xen kẹt khu vực Tam Hòa (trước nhà ông Lân) 0,5ha; Khu dân cư - dịch vụ Trung Lý 2,3ha); Điểm xen kẹt Liềm Định 0,03ha; Điểm dân cư xen kẹt trước nhà ông Quý 0,08ha; Khu dân cư Trung Lý 2,94ha	Xã Nhơn Phong	7,35	2,94	Điều chỉnh, bổ sung tên, diện tích theo Văn bản số 631/UBND ngày 16/04/2025 của UBND thị xã An Nhơn
53	Các khu, điểm dân cư trên địa bàn xã Nhơn Mỹ: KDC thôn Thiết Tràng (5,49ha); Điểm quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng 0,85ha (phía Đông Nam UBND xã Nhơn Mỹ); Điểm dân cư xen kẹt Thiết Tràng 0,46ha (0H16); đất ở dân cư thôn Thiết Tràng 0,46ha.	Xã Nhơn Mỹ	7,26	53	Các khu, điểm dân cư trên địa bàn xã Nhơn Mỹ: KDC thôn Thiết Tràng (5,49ha); Điểm quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng 0,85ha (phía Đông Nam UBND xã Nhơn Mỹ); Điểm dân cư xen kẹt Thiết Tràng 0,46ha (0H16); đất ở dân cư thôn Thiết Tràng 0,46ha; Khu dân cư thôn Thiết Tràng 0,67ha	Xã Nhơn Mỹ	7,93	0,67	Điều chỉnh, bổ sung tên, diện tích theo Văn bản số 631/UBND ngày 16/04/2025 của UBND thị xã An Nhơn
III	Thị xã Hoài Nhơn			III	Thị xã Hoài Nhơn				Đưa ra khỏi kế hoạch 01 dự án; điều chỉnh tên, diện tích 03 dự án

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
4	Khu dân cư Phúc Gia Tân	Phường Hoài Tân	4,18	4	Khu dân cư Phúc Gia Tân	Phường Hoài Tân	3,98	-0,20	Điều chỉnh diện tích theo thực tế theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn
15	Khu dân cư Tân Thuận	Phường Hoài Tân	22,20	15	Khu dân cư Tân Thuận	Phường Hoài Tân	-	-22,20	Đưa ra khỏi kế hoạch vì không thực hiện giai đoạn này theo Văn bản 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn
42	Khu dân cư Đồng Giồng phường Bồng Sơn	Phường Bồng Sơn	2,23	42	Hạ tầng kết nối chợ truyền thống Bồng Sơn và các khu vực phụ cận	Phường Bồng Sơn	9,00	6,77	Điều chỉnh tên, diện tích theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn
58	Khu dân cư xã Hoài Sơn (Khu dân phía Nam khu tái định số 2; Khu dân cư Tây Nam soi Bồng; Khu dân cư chính trang khép kín khu cư xóm 2 thôn Tường Sơn; Khu dân cư phía Đông Bắc đường ĐT638)	Xã Hoài Sơn	4,97	58	Khu dân cư xã Hoài Sơn (Khu dân phía Nam khu tái định số 2; Khu dân cư Tây Nam soi Bồng; Khu dân cư chính trang khép kín khu cư xóm 2 thôn Tường Sơn; Khu dân cư phía Đông Bắc đường ĐT638; Khu dân cư thôn Tường Sơn Nam, Hy Văn, Túy Thạnh)	Xã Hoài Sơn	5,93	0,96	Điều chỉnh tên, diện tích theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn
IV	Huyện Tây Sơn			IV	Huyện Tây Sơn				Giữ nguyên số lượng 25 dự án; điều chỉnh diện tích 04 dự án

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
3	05 Khu dân cư xã Tây An	Xã Tây An	15,00	3	05 Khu dân cư xã Tây An	Xã Tây An	14,00	-1,00	Điều chỉnh giảm diện tích 01ha để thực hiện dự án TĐC theo Văn bản số 729/UBND-KTN ngày 17/04/2025 của UBND huyện Tây Sơn
9	05 Khu dân cư xã Tây Thuận	xã Tây Thuận	20,00	9	05 Khu dân cư xã Tây Thuận	xã Tây Thuận	10,00	-10,00	Điều chỉnh giảm diện tích theo Văn bản số 729/UBND-KTN ngày 17/04/2025 của UBND huyện Tây Sơn
14	8 Khu dân cư xã Bình Nghi	xã Bình Nghi	20,00	14	8 Khu dân cư xã Bình Nghi	xã Bình Nghi	10,00	-10,00	Điều chỉnh giảm diện tích theo Văn bản số 729/UBND-KTN ngày 17/04/2025 của UBND huyện Tây Sơn
15	06 Khu dân cư xã Bình Thành	xã Bình Thành	20,00	15	06 Khu dân cư xã Bình Thành	xã Bình Thành	3,40	-16,60	Điều chỉnh giảm diện tích 16,60ha để thực hiện dự án TĐC theo Văn bản số 729/UBND-KTN ngày 17/04/2025 của UBND huyện Tây Sơn
V	Huyện Phù Mỹ			V	Huyện Phù Mỹ				Bổ sung 05 dự án; đưa ra khỏi kế hoạch 10 dự án

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
6	Khu đô thị Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ	Xã Mỹ Thành	55,58	6	Khu đô thị Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ	Xã Mỹ Thành	-	-55,58	Đưa ra khỏi Kế hoạch theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ
7	Khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Mỹ Thành	Xã Mỹ Thành	283,00	7	Khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Mỹ Thành	Xã Mỹ Thành	-	-283,00	Đưa ra khỏi Kế hoạch theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ
8	Khu đô thị và du lịch biển Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ	Xã Mỹ Thành	228,00	8	Khu đô thị và du lịch biển Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ	Xã Mỹ Thành	-	-228,00	Đưa ra khỏi Kế hoạch theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ
9	Khu dân cư kết hợp du lịch nghỉ dưỡng biển Mỹ Thành (Khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Thành (Khu đất HH4-4 QHPK 1/2000), tiểu khu số 14)	Thôn Hoà Hội, xã Mỹ Thành	16,28	9	Khu dân cư kết hợp du lịch nghỉ dưỡng biển Mỹ Thành (Khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Thành (Khu đất HH4-4 QHPK 1/2000), tiểu khu số 14)	Thôn Hoà Hội, xã Mỹ Thành	-	-16,28	Đưa ra khỏi Kế hoạch theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ
10	Khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Thành (Khu đất HH4-5 QHPK 1/2000)	Xã Mỹ Thành	16,28	10	Khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Thành (Khu đất HH4-5 QHPK 1/2000)	Xã Mỹ Thành	-	-16,28	Đưa ra khỏi Kế hoạch theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
11	Khu đô thị Mỹ Thành 2	Xã Mỹ Thành	51,30	11	Khu đô thị Mỹ Thành 2	Xã Mỹ Thành	-	-51,30	Đưa ra khỏi Kế hoạch theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ
12	Khu đô thị và du lịch Hòa Hội Nam (HH4-3+HH4-2+CX4-7 QHPK 1/2000)	Xã Mỹ Thành	26,36	12	Khu đô thị và du lịch Hòa Hội Nam (HH4-3+HH4-2+CX4-7 QHPK 1/2000)	Xã Mỹ Thành	-	-26,36	Đưa ra khỏi Kế hoạch theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ
13	Khu dân cư ven Đầm Đề Gi (HH4-6 QHPK 1/2000)	Xã Mỹ Thành	18,76	13	Khu dân cư ven Đầm Đề Gi (HH4-6 QHPK 1/2000)	Xã Mỹ Thành	-	-18,76	Đưa ra khỏi Kế hoạch theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ
97	Điểm dân cư thôn Vĩnh Lợi 3	Xã Mỹ Thành	3,00	97	Điểm dân cư thôn Vĩnh Lợi 3	Xã Mỹ Thành	-	-3,00	Đưa ra khỏi Kế hoạch theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ
98	Điểm dân cư thôn Hưng Lạc	Xã Mỹ Thành	6,20	98	Điểm dân cư thôn Hưng Lạc	Xã Mỹ Thành	-	-6,20	Đưa ra khỏi Kế hoạch theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
				103	Khu đô thị nghỉ dưỡng Siêu du thuyền Trung tâm	xã Mỹ Thành	260,1	260,10	Bổ sung theo Văn bản số 2837/UBND-TH ngày 10/04/2025 của UBND tỉnh
				104	Khu dân cư, tổ hợp khách sạn biểu tượng Interlace 6*	xã Mỹ Thành	260	260,00	Bổ sung theo Văn bản số 2837/UBND-TH ngày 10/04/2025 của UBND tỉnh
				105	Khu dân cư và Sân golf quốc tế 36 hố	xã Mỹ Thành	251,3	251,30	Bổ sung theo Văn bản số 2837/UBND-TH ngày 10/04/2025 của UBND tỉnh
				106	Khu đô thị du lịch Siêu du thuyền Đề Gi 2	xã Mỹ Thành	187	187,00	Bổ sung theo Văn bản số 2837/UBND-TH ngày 10/04/2025 của UBND tỉnh
				107	Khu đô thị du lịch Siêu du thuyền Đề Gi 3	xã Mỹ Thành, xã Mỹ Cát	160	160,00	Bổ sung theo Văn bản số 2837/UBND-TH ngày 10/04/2025 của UBND tỉnh
VI	Huyện Phù Cát			VI	Huyện Phù Cát				Bổ sung 04 dự án
				137	Khu đô thị Cát Hải Center	Xã Cát Hải	72,00	72,00	Bổ sung theo Văn bản số 986/STC-TTXX ngày 16/04/2025 của Sở Tài chính
				138	Khu dân cư phía Nam Đề Gi	Xã Cát Hải	28,00	28,00	Bổ sung theo Văn bản số 986/STC-TTXX ngày 16/04/2025 của Sở Tài chính

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
				139	Khu đô thị nghỉ dưỡng Nam Đê Gi	Thị trấn Cát Khánh, xã Cát Minh	163,50	163,50	Bổ sung theo Văn bản số 2837/UBND-TH ngày 10/04/2025 của UBND tỉnh
				140	Khu đô thị du lịch Siêu du thuyền Đê Gi I	Thị trấn Cát Khánh, xã Cát Minh	225,20	225,20	Bổ sung theo Văn bản số 2837/UBND-TH ngày 10/04/2025 của UBND tỉnh

* **Ghi chú:** Tên dự án, diện tích sử dụng đất, diện tích đất ở... của các dự án sẽ được xem xét, xác định cụ thể trong bước quy hoạch chi tiết, chủ trương đầu tư của dự án, phù hợp theo quy định.